TAND TỈNH KIÊN GIANG
TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ QUỐC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 50 /2019/HNGĐ-ST
Ngày 29/10/2019
V/v tranh chấp: "Xin ly hôn và nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ QUỐC - TỈNH KIÊN GIANG
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: **Bà Lê Thị Hồng Tâm**

Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Phạm Thị Kiếm- Nơi công tác: Trường Tiêu học Dương Đông 1 huyện Phú Quốc.

2/ Ông Nguyễn Phước Lộc - Nơi công tác: Trung tâm Y tế huyện Phú Quốc.

Thư ký phiên tòa: **Bà Trần Thị Yến** – Thư ký Toà án huyện Phú Quốc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Quốc: **Ông Lê Minh Dũng–** Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 458/2019/TLST-HNGĐ ngày 14/12/2018, về việc: "***Xin ly hôn và nuôi con chung***" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2019/QĐXXST–HNGĐ, ngày 29/10/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 57/2019 ngày 14/10/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Văn T**, sinh năm: 1983 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp 8, Xáng 1, xã Đ H, huyện A M, tỉnh K G.

2. Bị đơn: Chị **Trần Thị Bích T,** sinh năm: 1992 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 11, khu phố 4, thị trấn A T, huyện P Q, tỉnh K G.

Con chung: Cháu **Nguyễn Thị Bích N**, sinh ngày 14/4/2012.

Cháu **Nguyễn Minh T**, sinh ngày 21/7/2015.

Địa chỉ: Tổ 11, khu phố 4, thị trấn A T, huyện P Q, tỉnh KG.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 22 tháng 11 năm 2018, tại bản tự khai và tại phiên toà, nguyên đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:

Anh Nguyễn Văn T và chị Trần Thị Bích T tự tìm hiểu, yêu thương nhau, chung sống vợ chồng từ năm 2011 có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn ngày 23/11/2011 tại UBND xã Đông Hòa, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang. Cuộc sống vợ chồng cũng vui vẻ bình thường và có với nhau hai người con chung là Nguyễn Thị Bích N, sinh ngày 14/4/2012; cháu Nguyễn Minh T, sinh ngày 21/7/2015. Vợ chồng anh T sống chung với cha mẹ ruột anh T làm nghề biển nên thường xuyên vắng nhà chị T ở nhà cùng với mẹ anh T nhưng chị T không làm chòn bổn phận người con dâu, không tôn trọng mẹ chồng nên giữa hai người thường xảy ra cải vả, đến tháng 4 năm 2017 âm lịch khi anh T đi biển vắng nhà, chị T dắt 02 đứa con về nhà mẹ ruột ở thị trấn An Thới, huyện Phú Quốc, sống đến nay.

Nay anh T thấy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn vì anh không còn tình thương với chị T, yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với chị T

- Về con chung: Anh T, chị T có với nhau 02 người con cháu Nguyễn Thị Bích N, sinh ngày 14/4/2012, cháu Nguyễn Minh T, sinh ngày 21/7/2015, anh T có nguyện vọng được nuôi dưỡng 02 người con chung, nhưng cháu N có nguyện vọng được tiếp tục sống cùng với mẹ, anh T không muôn chia cắt 02 con mỗi người sống mỗi nơi nên anh đồng ý giao hai người con chung cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, anh T không cấp dưỡng nuôi con.

- Tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

*** Bị đơn chị Trần Thị Bích T vắng mặt tại phiên tòa nhưng** tại bản tự khai và biên bản hòa giải chị T trình bày về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản và nợ chung là đúng như lời anh T trình bày, nhưng nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng chị T sống chung với cha mẹ chồng, giữa mẹ chồng con dâu không hiểu nhau nên dẫn đến nhiều mâu thuẫn, nhưng anh không hiểu cũng không thông cảm cho chị mà nghe mẹ chồng nói thì lại chữi nên chị buồn mới dẫn 02 con chung về nhà mẹ ruột sống từ tháng 4 năm 2017 al cho đến nay, từ khi chị về nhà cha mẹ ruột sống ở Phú Quốc, anh T không gọi điện kêu về cũng không gửi tiền nuôi con. Nay chị thống nhất ly hôn với anh T.

- Về con chung: Chị T có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng hai con là Cháu Nguyễn Thị Bích N, sinh ngày 14/4/2012, cháu Nguyễn Minh T, sinh

ngày 21/7/2015 đến tuổi trưởng thành (18 tuổi) và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Con chung cháu Nguyễn Thị Bích N trình bày tại bản tự khai: Hiện nay cháu đang sống với mẹ nếu cha mẹ ly hôn thì nguyện vọng của cháu được tiếp tục sống cùng với mẹ.

Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Quốc có ý kiến: việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đến thời điểm này đều đảm bảo đúng pháp luật; Tại phiên Tòa có sự thay đổi Hội thẩm nhân dân, Thẩm phán đã giải thích việc thay thế Hội thẩm dự khuyết đương sự thống nhất và đồng ý với sự thay đổi này. Đối với chị T là bị đơn trong vụ án, đã đươc tòa án tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử lần thứ hai nhưng chị T vắng mặt không có lý do nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt chị Trần Thị Bích T là phù hợp với quy định pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T.

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, giao hai cháu Nguyễn Thị Bích N, sinh ngày 14/4/2012; cháu Nguyễn Minh T 21/7/2015 cho chị T nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chị T không yêu cầu, đề nghị HĐXX miễn xét.

Vì lợi ích mọi mặt của con khi cần thiết chị T, anh T có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con hoặc người trực tiếp nuôi con.

Không bên nào được ngăn cản quyền gặp gỡ, thăm và chăm sóc giáo dục con chung.

Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Trần Thị Bích T là bị đơn trong vụ án, đã được Tòa án tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử lần thứ hai nhưng chị T vẫn không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa. Theo quy định pháp luật tại

điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử sơ thẩm thống nhất xét xử vắng mặt chị Trần Thị Bích T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T và chị Trần Thị Bích T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã Đông Hòa, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang, vào ngày 23/11/2011 là hôn nhân hợp pháp được quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tại phiên tòa hôm nay, anh T xác định khả năng đoàn tụ không còn, tình trạng hôn nhân thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, anh T giữ nguyên yêu cầu ly hôn với chị T. Chị T vắng mặt tại phiên tòa nhưng có ý kiến trình bày biên bản hòa giải ngày 11/4/2019 đồng ý ly hôn với anh T. Căn cứ Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử sơ thẩm chấp nhận anh Nguyễn Văn T được ly hôn chị Trần Thị Bích T.

[3] Về con chung: Anh T và chị T có với nhau hai người con chung là cháu Nguyễn Thị Bích N, sinh ngày 14/4/2012 và cháu Nguyễn Minh T, sinh ngày 21/7/2015, Chị T có nguyện vọng được nuôi hai người con chung đến tuổi trưởng thành, tại phiên tòa anh T thống nhất giao hai người con chung cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, anh T không cấp dưỡng nuôi con, điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu N được sống cùng với mẹ nếu cha mẹ ly hôn. Căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử thống nhất giao con chung cháu Nguyễn Thị Bích N, sinh ngày 14/4/2012; cháu Nguyễn Minh T, sinh ngày 21/7/2015 cho chị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu, HĐXX không xem xét.

Vì lợi ích mọi mặt của con khi cần thiết chị T, anh T có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con hoặc người trực tiếp nuôi con.

Không bên nào được quyền ngăn cản quyền gặp gỡ, thăm và chăm sóc giáo dục con chung.

[4] Về tài sản và nợ chung: Anh T, chị T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử miễn xét.

[5] Về án phí: Anh Nguyễn Văn Tphải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 28, 35, 227, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Điều 48, Nghị quyết số 326, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Nguyễn Văn T được ly hôn chị Trần Thị Bích T.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Bích N, sinh ngày 14/4/2012 và cháu Nguyễn Minh T, sinh ngày 21/7/2015 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (18 tuổi), anh T không cấp dưỡng nuôi con.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chị T không yêu cầu, HĐXX miễn xét.

Vì lợi ích mọi mặt của con khi cần thiết chị T, anh T có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con hoặc người trực tiếp nuôi con.

Không bên nào được ngăn cản quyền gặp gỡ, thăm và chăm sóc giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Anh T, chị T khai không có, không yêu cầu hội đồng xét xử xem xét.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Quốc, theo biên lai thu số 0008144 ngày 06/122018. Anh T không phải nộp án phí ly hôn. Chị Trần Thị Bích T không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai, anh T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; chị T vắng mặt nên có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết tại nơi cư trú để xin xét xử phúc thẩm tại Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

***Nơi nhận*:**
- TA tỉnh Kiên Giang;
- VKS huyện Phú Quốc;
- THA huyện Phú Quốc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Lê Thị Hồng Tâm